



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2020

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2021



I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM.
- Tên tiếng Anh : VIETNAM OCEAN SHIPPING AGENCY CORPORATION.
- Tên viết tắt : VOSA CORPORATION.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300437898.
- Vốn điều lệ: 140.964.860.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 140.964.860.000 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 5 Petroland Tower, Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (84 - 28) 54161820 – 54161821 – 54161822.
- Số fax: (84 - 28) 54161823 – 54161824. - Website: <http://www.vosa.com.vn>
- Mã cổ phiếu: VSA

❖ Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam, nay là Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, được thành lập ngày 13/03/1957 theo Nghị định số 50/NĐ của Bộ Giao thông và Bưu điện.

- Ngày 08/08/1989: Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam được đổi tên thành Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1436/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông vận tải.

- Ngày 12/05/1993: Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) được thành lập lại theo Quyết định số 885/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông Vận tải, là doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

- Ngày 30/12/2005: Bộ Giao Thông Vận Tải ra Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT về việc “Phê duyệt phương án và chuyển Đại lý hàng hải Việt Nam, đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần”.

- Ngày 31/03/2006: Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

- Ngày 14/06/2006: Đại hội cổ đông thành lập Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam.

- Ngày 20/10/2006: Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 4103005432 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. HCM cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký đã được bổ sung, sửa đổi lần thứ 11 (ngày 17/07/2020).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý tàu biển. Đại lý, kiểm đếm hàng hóa. Môi giới và dịch vụ hàng hải. Dịch vụ logistics. Đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan). Vận tải đa phương thức quốc tế. Kinh doanh kho bãi.

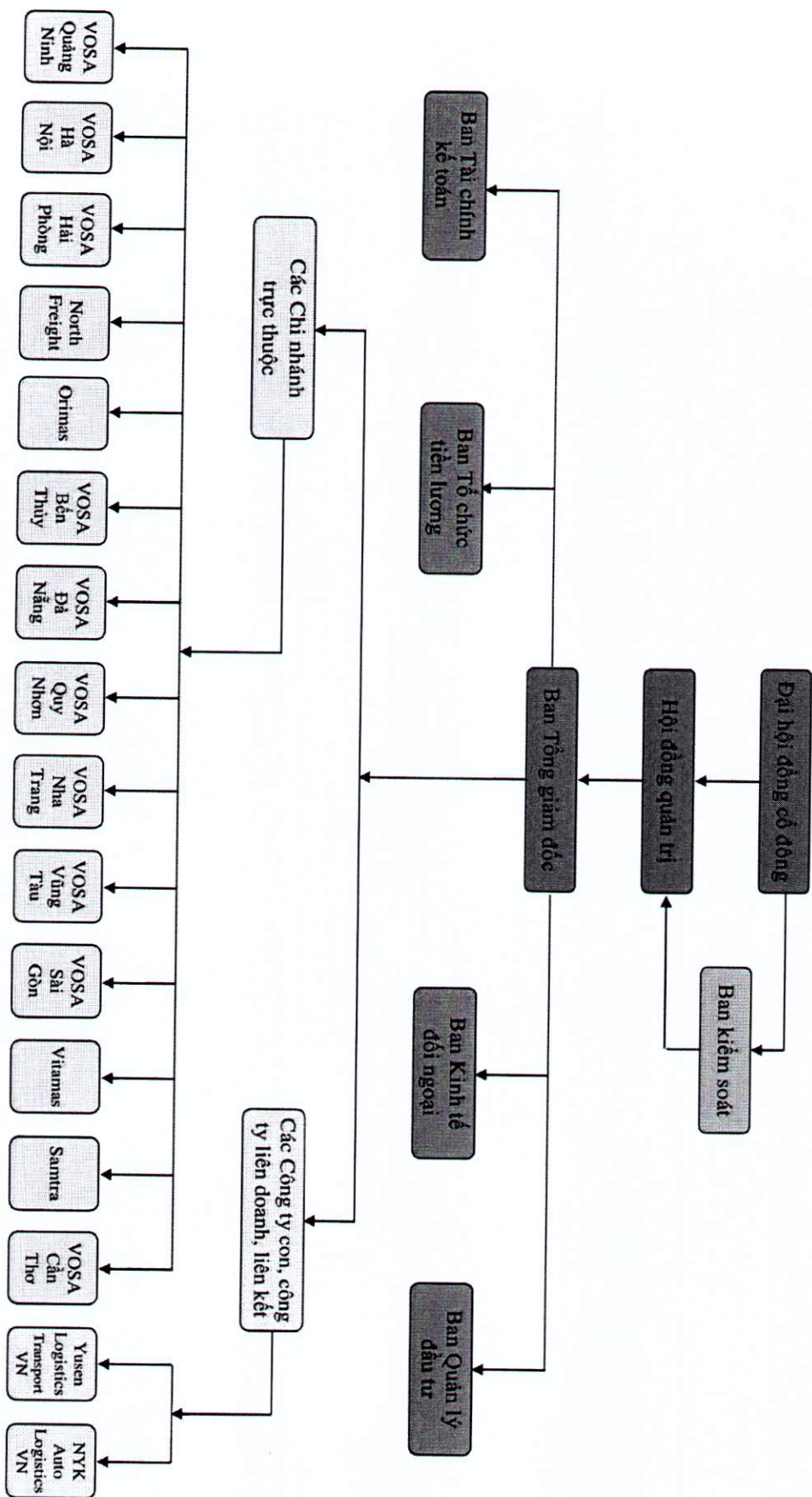
- Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài trên toàn quốc, từ Móng Cái đến Cà Mau, trong đó địa bàn hoạt động kinh doanh chính là TP. Hồ Chí Minh, TP. Hải Phòng, Tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các Ban chuyên môn nghiệp vụ, các Chi nhánh trực thuộc, các Văn phòng đại diện, các công ty con và các công ty VOSA góp vốn.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 23/06/2020.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ ĐLVT đường bộ, đường thủy, kho bãi, xếp dỡ hàng hóa	51.000 USD	51 (*)
2	Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Toà nhà Saigon Riverside Center, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP.HCM	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa	320.000 USD	20

(*) Theo hợp đồng liên doanh: Công ty thỏa thuận nhượng quyền điều hành sản xuất kinh doanh cho đối tác và nhận tiền đền bù.

- Các Công ty có vốn góp:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, kho bãi, logistics	4.000 USD	1,00
2	Công ty CP Vinalines Logistics	P.405, tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội	Góp vốn	Dịch vụ logistics	50.000 cổ phiếu	0,35
3	Ngân hàng TMCP Hàng hải (Maritime Bank)	88 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Tài chính, ngân hàng	913.390 cổ phiếu	0,11
4	Cảng LOTUS	1A Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. HCM	Góp vốn	Khai thác cảng	23.705 USD	0,27
5	Công ty CP Thép Việt Nam	91 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Sản xuất, kinh doanh thép	200.000 cổ phiếu	0,03

4. Định hướng phát triển:

*** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; với chiến lược phát triển ổn định và bền vững trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải và logistics gắn với chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phát triển cơ sở hạ tầng logistics, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các nguồn lực của Công ty.

- Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý, điều hành tinh giản, gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động SXKD.

- Đa dạng hoá các hình thức đầu tư, kinh doanh cốt lõi của Công ty.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh để mở rộng mạng lưới và các hoạt động sản xuất kinh doanh ra thị trường thế giới.

- Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển SXKD kết hợp với chế độ quản lý nhân sự và gìn giữ, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

*** Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

- Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường trong SXKD, không gây ô nhiễm hay tác động xấu đến môi trường tại các địa bàn kinh doanh; thực hiện trách nhiệm đối với xã hội, cam kết tham gia các hoạt động từ thiện và các chương trình nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ cộng đồng v.v.

5. Các rủi ro:

- Hoạt động trong lĩnh vực chính là dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung ứng, kiểm đếm hàng hóa và các dịch vụ đi kèm v.v.), dịch vụ logistics (đại lý vận tải, kho bãi và các dịch vụ liên quan) và thương mại xuất nhập khẩu tiểu ngạch, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế (GDP) nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng. Bên cạnh đó, những biến động vĩ mô như lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dịch bệnh... cũng tác động gián tiếp lên hoạt động kinh doanh của Công ty như mọi ngành nghề kinh doanh khác.

5.1. Rủi ro về kinh tế:

- Việt Nam là nền kinh tế có lượng xuất khẩu vượt qua GDP và dễ bị ảnh hưởng bởi nhu cầu của ba thị trường hàng đầu là Mỹ, Trung Quốc và Liên minh châu Âu. Xung đột thương mại Mỹ-Trung bắt đầu từ tháng 04/2018 và đến nay diễn biến leo thang căng thẳng đã tác động mạnh đến thương mại toàn cầu, trong đó Việt Nam là một nền kinh tế có độ mở cao cũng chịu nhiều tác động. Từ đầu năm 2020, dịch Covid-19 bùng phát và hiện vẫn chưa được kiểm soát, đã tác động nặng nề đến kinh tế, thương mại toàn cầu. Trong năm 2020, hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vẫn giữ được mức tăng dương, nhất là đặt trong bối cảnh các nền kinh tế khu vực và thế giới có mức tăng trưởng âm. Tuy nhiên, Kinh tế Việt Nam cũng sẽ không miễn nhiễm với việc chậm lại của kinh tế toàn cầu trong thời gian tới dù được xem là người hưởng lợi chính từ căng thẳng thương mại Mỹ - Trung.

- Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm chậm lại dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đổ vào Việt Nam trong năm 2020. Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê cho thấy, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với năm 2019. Vốn FDI thực hiện năm 2020 ước tính đạt gần 20 tỷ USD, giảm 2% so với năm trước. Ngoài ra, 2.523 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 14,6 tỷ USD, giảm 35% về số dự án và giảm 12,5% về số vốn đăng ký so với năm trước.

- Triển vọng trong trung hạn của Việt Nam vẫn có một số rủi ro theo hướng suy giảm cả từ trong nước và bên ngoài. Dự báo trung hạn nhiều doanh nghiệp lớn toàn cầu có xu hướng đầu tư trở lại nước sở tại Bắc Mỹ, EU dẫn đến xáo trộn dòng vốn đầu tư toàn cầu.

- Nhìn từ trong nước, chậm trễ trong triển khai những cải cách cơ cấu có thể làm cho viễn cảnh tăng trưởng trung hạn trở nên xấu đi khi tham gia vào các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA).

- Nhìn từ bên ngoài, tranh chấp thương mại giữa các nền kinh tế lớn có thể ảnh hưởng xấu đến đà xuất khẩu trong ngắn hạn, trong khi đó nền kinh tế Việt Nam vẫn dễ bị ảnh hưởng nếu nền kinh tế toàn cầu tiếp tục suy giảm qua các kênh thương mại và đầu tư.

- Sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài có thể nguội đi khi nhiều nhà đầu tư có thể đình hoãn hoặc hủy dự án. Nếu cả xuất khẩu và dòng vốn FDI đều chững lại, nền kinh tế Việt Nam có thể mất đi động lực tăng trưởng chính. Đại dịch Covid-19 đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng và thay đổi phương thức vận chuyển hàng hoá giữa các quốc gia, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính do thị trường tiêu thụ giảm mạnh, sản xuất đình trệ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng sản xuất. Ngoài ra, chính sách hạn chế đi lại cũng khiến cho các hoạt động xúc tiến đầu tư và các chuyến công tác tìm hiểu cơ hội đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng bị hủy bỏ hoặc trì hoãn, việc đưa ra các quyết định đầu tư bị ảnh hưởng nghiêm trọng, qua đó làm một lượng vốn đang bị kẹt ở nước ngoài chưa vào được Việt Nam.

5.2. Rủi ro về luật pháp:

- Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản pháp luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh đến hoạt động của Công ty, những thay đổi trong quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi chính sách của Nhà nước như: thay đổi chính sách về BHXH, tăng giá thuê đất, làm sụt giảm lợi nhuận khai thác kho bãi; Bên cạnh đó, ngành vận tải biển còn chịu ảnh hưởng từ những chính sách của Nhà nước cũng như định hướng phát triển của ngành hàng hải.

- Để hạn chế rủi ro về luật pháp, Công ty luôn chủ động, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật, tìm hiểu, nghiên cứu về các thay đổi của pháp luật đồng thời thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, nhân viên và cổ đông của Công ty.

5.3. Rủi ro đặc thù:

- Rủi ro giá nguyên liệu, sử dụng nhà, đất:

+ Do kinh doanh trong ngành nghề liên quan mật thiết tới ngành vận tải nói chung, nên Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ biến động giá nguyên liệu.

+ Công ty có thuê nhiều đất đai, nhà cửa để sử dụng làm kho bãi, trụ sở, trong những năm gần đây giá thuê nhà, đất liên tục tăng cao, nên chi phí của doanh nghiệp bị tăng theo, lợi nhuận cũng bị giảm sút.

- Rủi ro cạnh tranh:

+ Đối với Đại lý tàu: các hãng tàu container lớn và nhỏ đang hoạt động tại Việt Nam đều đã ổn định hoạt động và thị trường, không có thêm các hãng tàu container mới mở tuyến do hoạt động kinh doanh của tất cả các hãng tàu container đang gặp nhiều khó khăn, cung nhiều hơn cầu nên việc tìm kiếm các hãng tàu mới là khó thực hiện được.

+ Đối với ngành vận tải: các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO hầu như đã được thực thi đầy đủ từ năm 2014, nên hiện nay các công ty dịch vụ vận tải lớn của nước ngoài có đủ điều kiện để hoạt động tại Việt Nam trong hầu hết các lĩnh vực dịch vụ logistics, vì thế, sự cạnh tranh giữa các công ty cùng lĩnh vực này ngày càng trở nên gay gắt.

5.4. Rủi ro khác:

- Các rủi ro mang tính hệ thống khác như: chiến tranh, thiên tai, dịch họa, môi trường, những biến động chính trị xã hội trên thế giới... là những rủi ro tuy hiếm nhưng có thể xảy ra. Do vậy, nếu có, những rủi ro này ít nhiều sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người, thị trường kinh doanh của Công ty; qua đó, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa các thiệt hại, Công ty đã tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản có giá trị lớn.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kinh tế Việt Nam 2020 là một năm tăng trưởng đầy bản lĩnh. Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%.

- Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ – Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch

Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới. Cùng với Trung Quốc và Myanma, Việt Nam là một trong ba quốc gia ở châu Á có mức tăng trưởng tích cực trong năm nay; đồng thời quy mô nền kinh tế nước ta đạt hơn 343 tỷ USD, vượt Singapore (337,5 tỷ USD) và Malaysia (336,3 tỷ USD), đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á.

- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2020 ước tính đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2019. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước tính xuất siêu 19,1 tỷ USD là mức cao nhất trong 5 năm liên tiếp xuất siêu kể từ năm 2016. Trong bối cảnh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 khiến hoạt động thương mại và đầu tư thế giới suy giảm, các nước nhập khẩu ngày càng siết chặt hàng rào phi thuế quan, bảo hộ trong nước gia tăng, nhưng với kim ngạch xuất nhập khẩu ấn tượng đã đưa Việt Nam xếp thứ 22 thế giới về quy mô kim ngạch và năng lực xuất khẩu, đứng thứ 26 về quy mô thương mại quốc tế và đây chính là bước tạo đà, tạo lực bứt phá cho công tác xuất nhập khẩu trong giai đoạn tới. Năm 2021 Bộ Công Thương đặt mục tiêu tổng kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng khoảng 5% so với năm 2020 và cán cân thương mại tiếp tục duy trì vị thế xuất siêu.

- Ở Đông Nam Á, hiệu quả của ngành logistics Việt Nam chỉ thua kém hai đối thủ lớn là Singapore và Thái Lan. Trong nhóm các thị trường mới nổi với thu nhập thấp, Việt Nam duy trì vị trí dẫn đầu về hiệu quả hoạt động logistics. Mặc dù có tiềm năng rất lớn để phát triển, ngành logistics Việt Nam còn tồn tại một số thách thức cần phải vượt qua. Ngành logistics tại Việt Nam vẫn còn phân mảnh và chưa đủ năng lực đáp ứng nhu cầu của thị trường ngày càng tăng, chi phí logistics cao, thiếu sự liên kết giữa các doanh nghiệp dịch vụ với nhau và với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp xuất nhập khẩu, quy mô và tiềm lực về tài chính của các doanh nghiệp logistics Việt Nam yếu, tổ chức mạng lưới toàn cầu, hệ thống thông tin còn rất hạn chế. Nguồn nhân lực làm dịch vụ logistics chưa qua đào tạo bài bản và còn thiếu, cơ sở hạ tầng chất lượng thấp, thiếu sự đổi mới và chưa có sự tích hợp linh hoạt giữa các hoạt động logistics và vận tải.... Kể từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát, ngành Logistics đã chịu những ảnh hưởng lớn và sẽ kéo dài. Trong ngắn hạn, chi phí logistics sẽ tăng cao hơn nữa do hoạt động vận chuyển bị giới hạn, dịch vụ giao nhận sẽ bị giảm sút về chất lượng và thời gian thực hiện quy trình xuất nhập khẩu cũng kéo dài hơn.

* Kết quả SXKD năm 2020:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2019	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2019
Tổng doanh thu	843.000	1.037.087	905.252	123%	115%
Doanh thu kinh doanh	819.000	1.013.146	878.333	124%	115%
Lợi nhuận trước thuế	42.000	42.254	42.194	100%	100%

- Doanh thu tăng so với cùng kỳ năm trước do doanh thu từ đại lý vận tải hàng không tăng mạnh khi cước hàng không tăng đột biến do dịch bệnh Covid-19.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, giá cước hàng không tăng đột biến khi các hãng hàng không cắt giảm hoặc ngừng khai thác nên tình hình mua cước càng khó khăn, vốn ứng ra tăng đột biến nhưng lợi nhuận không tăng hoặc giảm do phải tăng chi phí để có được tải trên máy bay.

- Doanh thu từ dịch vụ đại lý tàu giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 khi lượng tàu đến cảng giảm, tàu phải chờ cách ly; Mặt khác, chủ tàu NYK đã yêu cầu giảm giá dịch

vụ đại lý (giảm hơn 50% giá đại lý phí so với đơn giá trước) từ ngày 01/8/2020 nên doanh thu và lợi nhuận từ đại lý tàu giảm mạnh.

- Tại khu vực Hà Tĩnh, ngoài ảnh hưởng giảm sản lượng trong thời gian dịch bệnh, các tàu do chi nhánh làm đại lý chủ yếu là tàu nội địa (khoảng 80% sản lượng tàu phục vụ) với giá đại lý phí rất thấp nên dù sản lượng không giảm nhiều nhưng doanh thu vẫn sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

- Hãng tàu Namsung đã tách ra thành lập công ty của họ tại Việt Nam và chấm dứt hợp đồng đại lý liner với công ty từ cuối tháng 7/2019 khiến cho doanh thu và lợi nhuận từ dịch vụ đại lý liner của công ty đều sụt giảm mạnh trong năm 2020 khi chỉ còn làm đại lý liner cho hãng tàu Sinotrans Container Line (Trung Quốc) – là hãng tàu nhỏ chuyên chạy nội Á với tuyến dịch vụ ít và lịch tàu không ổn định.

- Các hãng tàu container lớn đã liên kết để tăng sức cạnh tranh và làm cho các hãng tàu nhỏ phải giảm bớt tuyến để cắt giảm chi phí. Giá đại lý phí cho tàu container ngày càng bị các chủ tàu ép xuống đến mức thấp nhất có thể nên dù sản lượng tàu tăng nhưng doanh thu vẫn chưa đủ bù đắp cho sự sụt giảm.

- Phần lớn các doanh nghiệp logistics nước ngoài đã thành lập công ty riêng của họ, chỉ để lại một số loại hình kinh doanh còn hạn chế cho các doanh nghiệp Việt Nam, các liên doanh nên sức ép cạnh tranh lên các doanh nghiệp Việt Nam sẽ ngày càng khốc liệt, cơ hội phát triển càng khó khăn.

- Các thân chủ gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên yêu cầu các đơn vị làm dịch vụ chia sẻ khó khăn bằng cách giảm giá dịch vụ, dùng nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ để ép giảm giá hoặc chỉ ký hợp đồng dịch vụ ngắn hạn. Để ký được hợp đồng dài hạn, công ty phải chấp nhận cung cấp dịch vụ với giá rất thấp để có thể thắng thầu và được chỉ định cung cấp dịch vụ.

- Một số chi nhánh của công ty vẫn ở trong tình trạng thua lỗ, dù đã tăng cường các biện pháp quản lý, tìm kiếm các phương thức kinh doanh mới sau những biến động trong sản xuất kinh doanh, biến động về nhân sự nhưng chưa thể hồi phục.

- Với quy mô và tổng số vốn hạn chế, công ty đang thiếu phương tiện, cơ sở vật chất để kinh doanh và mở rộng dịch vụ logistics, đáp ứng nhu cầu phát triển về lĩnh vực logistics, các phương tiện hầu hết phải thuê bên ngoài nên giá thành dịch vụ còn cao, lợi nhuận còn lại thấp và bị chia sẻ với các thân chủ, khó chủ động trong việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

2. Đánh giá hiệu quả từng hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1. Hoạt động đại lý tàu:

- Sản lượng đại lý tàu đạt 2.826 tàu, chỉ bằng 86% so với năm 2019; trong đó: tàu hàng rời giảm 20%, tàu container tăng 16%. Doanh thu cũng chỉ bằng 88% so với năm 2019.

- Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, lượng tàu đến cảng sụt giảm do hàng hóa bị đình trệ và chính sách cách ly đối với thuyền viên các tàu đến từ vùng dịch nên các hãng tàu phải cắt giảm số chuyến khai thác hoặc thay đổi lịch trình.

- Lượng tàu container tăng hơn so với năm 2020 do công ty đã ký được hợp đồng đại lý tàu với khách hàng mới tuy nhiên giá dịch vụ tàu container rất thấp nên không bù được sự sụt giảm doanh thu của hoạt động tàu hàng rời.

- Từ tháng 08/2020, công ty đã phải áp dụng giá đại lý phí mới cho tất cả các tàu của hãng tàu NYK với mức giảm hơn 50% so với giá đang phục vụ (Doanh thu từ hãng tàu NYK là 11,4 tỷ năm 2018, gần 11 tỷ năm 2019 nên với mức đại lý phí mới này thì doanh thu đại lý tàu cũng sụt giảm mạnh trong năm 2020 và những năm tiếp theo), ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận từ dịch vụ đại lý tàu.

- Đây là loại hình mang tính cạnh tranh khốc liệt vì các công ty nước ngoài có hệ thống toàn cầu đã liên kết để giành quyền làm đại lý tàu cho các tàu của họ tại Việt Nam, các công ty tư

nhân thì phá giá và chấp nhận làm với mọi mức giá, thậm chí miễn phí đại lý để giành các dịch vụ khác nên công ty cũng phải chấp nhận điều chỉnh giá dịch vụ ở mức rất thấp để có việc làm nên doanh thu không tăng nhiều dù sản lượng tăng.

- Xác định đây là hoạt động truyền thống và mang lại hiệu quả tốt nhưng thị phần để phát triển rất hẹp và khó khăn nên ngoài việc giữ chân các khách hàng truyền thống thì công ty vẫn tiếp tục tìm kiếm các khách hàng mới, tranh thủ sự ủng hộ của các chủ hàng để tăng sản lượng và doanh thu.

2.2. Hoạt động đại lý liner:

- Doanh thu hoạt động đại lý liner chỉ đạt 50% so với năm 2019 do việc hãng tàu Namsung Shipping chấm dứt hợp đồng đại lý từ ngày 31/07/2019 để thành lập công ty 100% vốn nước ngoài kéo theo doanh thu từng hoạt động này giảm mạnh (giảm 29%).

- Hiện nay chỉ còn chi nhánh Orimas làm đại lý liner cho hãng tàu Sinotrans tại thị trường Hải Phòng và Hà Nội. Vậy nên nếu so sánh tình hình hoạt động đại lý liner của chi nhánh Orimas năm nay với năm 2019 thì doanh thu giảm nhẹ, đạt 98%.

- Đây cũng là hoạt động mang lại hiệu quả cao và có ảnh hưởng đến các hoạt động dịch vụ khác như đại lý vận tải, kiểm đếm nên công ty đang chú trọng tìm kiếm và tiếp cận các hãng tàu container (hiện chỉ còn các hãng tàu nhỏ chạy nội Á hoặc các hãng khai thác không tàu) đang có kế hoạch khai thác tại thị trường Việt Nam để bù đắp cho việc hãng tàu Namsung chấm dứt hợp đồng.

2.3. Hoạt động đại lý vận tải:

- Doanh thu đại lý vận tải đạt 128% so với năm 2019 do một số yếu tố sau:

+ Doanh thu đại lý vận tải tăng so chủ yếu do tăng cước vận tải hàng không tăng vọt do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

+ Doanh thu đại lý vận tải của VOSA Sài Gòn tăng 218%, Northfreight tăng 104% là 2 chi nhánh có tỉ trọng doanh thu lớn trong tổng doanh thu công tác đại lý vận tải của công ty nên đã góp phần làm tăng doanh thu hoạt động này của toàn công ty lên 128% so với năm 2019. Hoạt động vận tải hàng không cho các đại lý nước ngoài, như Nagai, Europac, Starline...số tiền cước phải chi trả rất lớn, doanh thu cao nhưng lợi nhuận lại thấp vì mua bán cước lại do đại lý các hãng hàng không kiểm soát và tỷ lệ hưởng hoa hồng rất thấp đồng thời chủ yếu làm co-loader nên độ rủi ro cao. Đại lý vận tải hàng không gặp cạnh tranh khốc liệt khi các chuyến bay bị cắt giảm, giá cước tăng vọt, số tiền ứng trước cho khách hàng tăng mạnh nhưng lợi nhuận biên không tăng.

- Các chi nhánh còn lại đều có doanh thu đại lý vận tải giảm so với năm trước. Cụ thể Orimas đạt 89%, VOSA Quảng Ninh chỉ đạt 89% so với cùng kì năm 2019.

- Dịch vụ đại lý vận tải gặp nhiều khó khăn do gián đoạn chuỗi cung ứng do dịch bệnh Covid-19 và tình trạng thiếu vỏ container của tất cả các hãng tàu trên các tuyến khai thác. Thị trường hiện nay đã đạt đến độ bão hòa nên ưu thế cạnh tranh giảm và gặp sức ép rất lớn từ các đối thủ cạnh tranh buộc phải giảm giá sâu nhằm lôi kéo khách hàng. Công ty đã rất nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, tìm kiếm được một số khách hàng mới, giữ chân các khách hàng truyền thống.

- Đây là hoạt động cần có sự đầu tư về cơ sở vật chất và vốn lưu động cao để có thể hoạt động cạnh tranh. Mặc dù còn những hạn chế về cơ sở vật chất (kho bãi, phương tiện) nhưng công ty xác định vẫn phải tiếp tục chú trọng đẩy mạnh hoạt động này dù thị phần về logistics tại Việt Nam do các công ty logistics toàn cầu chiếm thị phần lớn nhưng công ty sẽ tập trung vào những phân khúc nhỏ hơn, phù hợp hơn với điều kiện về cơ sở vật chất và vốn của mình.

2.4. Hoạt động kho bãi:

- Doanh thu đạt 120% so với năm 2019.

- Số lượng kho bãi của công ty vẫn như năm 2019, chủ yếu hoạt động tại khu vực phía Bắc (Quảng Ninh và Hải Phòng). Doanh thu kho bãi công ty tăng nhờ sự tăng trưởng tốt của chi nhánh Vosa Quảng Ninh (bằng 125% so với năm 2019). Doanh thu tuy tăng so với năm trước nhưng chủ yếu tăng từ dịch vụ thuê kho bên ngoài để cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng nên tuy doanh thu tăng nhưng lợi nhuận từ thuê kho ngoài rất thấp, chỉ thu được lợi nhuận từ dịch vụ đại lý vận tải.

- Kho bãi tại khu vực Hải Phòng đang gặp nhiều khó khăn khi các hãng tàu đang chuyển ra các kho bãi và depot tại khu vực Lạch Huyện để cắt giảm chi phí vận chuyển nên với vị trí không phù hợp thì việc khai thác ngày càng gặp nhiều khó khăn. Đối với kho, mặc dù những năm gần đây kho xuống cấp trầm trọng, nhiều đối tác từ chối đưa hàng vào khai thác vì kho không đạt tiêu chuẩn và yêu cầu của họ nhưng Chi nhánh đã tăng cường marketing tìm kiếm khách hàng nên sản lượng hàng khai thác năm 2020 luôn đạt công suất 80%. Đối với bãi, hiện tại chỉ phục vụ khai thác cho Công ty Nam Á, Sinotrans và nhận gửi khoản 40 xe Container chiếm khoảng 55% công suất (diện tích bãi).

- Kho bãi tại khu vực Quy Nhơn và Đà Nẵng hoạt động không hiệu quả do lượng hàng hóa lưu kho rất ít. Nguyên nhân do các khu kho bãi đã có quyết định thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy hoạch của địa phương. Công ty không thể đầu tư cải tạo hoặc ký hợp đồng hợp tác dài hạn với khách hàng. Hiện tại chỉ khai thác nhỏ lẻ và cho thuê ngắn hạn.

- Kho bãi tại khu vực Quận 7, TP. HCM khó khai thác vì khu vực này tiếp tục bị sụt lún, nền kho nứt, công ty đã tính toán nhiều phương án sửa chữa để khai thác nhưng cần phải có chi phí rất lớn để sửa chữa, cải tạo.

- Doanh thu từ hoạt động kho bãi chiếm tỷ trọng 11,85% của doanh thu kinh doanh và chiếm 12,65 % tỷ trọng lợi nhuận gộp.

2.5. Hoạt động kiểm đếm:

- Doanh thu hoạt động kiểm đếm đạt 94% so với năm 2019.

- Năm 2020 hầu như các chi nhánh đều có doanh thu hoạt động kiểm đếm giảm nhiều so với năm 2019.

- Công tác kiểm đếm ngày càng khó khăn hơn do lượng tàu container sử dụng dịch vụ kiểm kiện của công ty ngày càng giảm dần, các hãng tàu được hưởng dịch vụ miễn phí từ các cảng. Bên cạnh đó, các hãng tàu tiếp tục cắt giảm chi phí hoạt động nên giá dịch vụ này cũng ngày càng giảm.

- Tại thị trường TP. HCM, doanh thu kiểm đếm ổn định do sản lượng tàu RORO ổn định, sản lượng thép cuộn có tăng lên tại khu vực Cái Mép góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho các chi nhánh. Dịch vụ kiểm container của hãng tàu Samudera & Namsung khá tốt, dịch vụ sang container tại cảng Cát Lái cũng khá tốt và ngày càng phát triển. Chi nhánh VOSA Sài Gòn và Vitamas có doanh thu hoạt động kiểm đếm khá tốt, đều tăng là 106% so với năm 2019.

3. Tổ chức và nhân sự:

- **Danh sách Ban Tổng giám đốc và Ban Tài chính kế toán:**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Trịnh Vũ Khoa	22/08/1968	UV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cử nhân ngoại ngữ	02/03/2017	1.089	0,01
2	Nguyễn Thị Thanh Trang	08/02/1969	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư KTVTĐ, Cử nhân Luật	08/11/2017	1.452	0,01



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
3	Nguyễn Hồng Hải	27/10/1975	Trưởng Ban TCKT	Cử nhân Kinh tế	01/10/2020	-	-
4	Võ Trung Thắng	01/01/1977	Phó trưởng Ban TCKT	Cử nhân Kế toán Kiểm toán	01/03/2016	605	0,01

Ghi chú: Ông Võ Trung Thắng thôi nhiệm vụ Phụ trách Ban TCKT kể từ ngày 01/10/2020.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Trong năm 2020, Công ty đã ban hành Quy chế quản lý tài chính; Thỏa ước lao động tập thể; Quy định về công tác Văn thư, lưu trữ, ban hành văn bản, bản sao văn bản và sử dụng chữ ký số; sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ ... bên cạnh các quy chế đã được xây dựng và đang thực hiện như: Quy chế dân chủ, quy chế tuyển dụng và đào tạo, quy chế phân phối quỹ khen thưởng - phúc lợi, nêu bật chế độ đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi xã hội cho CBCNV nhằm khuyến khích toàn thể người lao động Công ty không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, phát huy sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, thi đua tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao năng suất, chất lượng lao động. Công ty tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế để kiện toàn công tác quản lý và điều hành của công ty.

+ Tiếp tục kiện toàn tổ chức theo hướng tập trung nâng cao vai trò quản trị và điều hành của Công ty với các chi nhánh. Gắn kết các chi nhánh thành công ty mạnh, làm cơ sở vững chắc cho việc tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con cho những năm sau.

+ Tiếp tục tuyển dụng thêm những nhân viên mới có trình độ chuyên môn, bổ nhiệm những người có năng lực xứng đáng đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hóa cán bộ, có chế độ đãi ngộ tương xứng, nâng cao trình độ ngoại ngữ và chuyên môn cho đội ngũ CBCNV để doanh nghiệp đủ sức cạnh tranh, năng động và kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

4.1. Đầu tư sản xuất kinh doanh và các dự án khác:

Năm 2020, Công ty được phê duyệt 9 dự án đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan nên chỉ có 1 dự án được thực hiện chiếm tỷ trọng 0,54% so với kế hoạch. Cụ thể:

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch	Lý do chưa thực hiện theo kế hoạch năm 2020
Dự án Đầu tư XDCB				
VOSA QUẢNG NINH				
1	GPMB diện tích mở rộng sau điều chỉnh QH 2010	6.500	0%	Thực hiện bởi TT phát triển quỹ đất TP. Hạ Long, Quảng Ninh
2	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, công số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	2.700	0%	Ban QL Khu Kinh tế QN và Trung tâm phát triển quỹ đất đã tiến hành đo đạc, kiểm đếm lập khối lượng và giá trị GPMB phạm vi thu hồi đất (Vào khu đất của VOSA QN). Sau khi có thông báo về giá trị đền bù được phê duyệt và QĐ thu hồi đất VOSA QN mới được tiến hành phá dỡ, xây dựng tuyến hàng rào. Do nhu cầu khai thác đã mở đường vào công số 2 khu kho bãi Cái Lân.

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch	Lý do chưa thực hiện theo kế hoạch năm 2020
3	Cải tạo nhà làm việc của VOSA Quảng Ninh tại Cái Lân - Khu văn phòng Hải Quan - Cái Lân sau khi thanh lý hợp đồng và Khu văn phòng làm việc hiện tại	3.750	0%	Đã mời đơn vị tư vấn khảo sát lập thiết kế sơ bộ, trước khi đánh giá lập TKKT thi công và dự toán công trình.
4	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng, bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng	1.200	0%	Do lượng hàng tồn kho nên chưa thể triển khai thực hiện. Trong năm 2021 sẽ triển khai từng phần nhằm tránh ảnh hưởng tới việc khai thác hàng hóa kho IA và khu vực lân cận.
5	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	1.500	0%	
NORTHFREIGHT				
6	Dự án lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động cho kho CFS	1.200	0%	Do lượng hàng qua kho thấp, chi phí đầu tư lớn nên Công ty cân nhắc thực hiện trong thời điểm khác phù hợp.
VOSA HẢI PHÒNG				
7	Cải tạo sửa chữa nhà kho lưu trữ cơ quan	300	0%	Mục tiêu dự án là cải tạo lại kho hồ sơ hiện hữu để sắp xếp tinh gọn lại kho và cho thuê phần còn lại. Tuy nhiên trong năm 2020 Công ty có chủ trương đầu tư khu nhà đất 25 Điện Biên Phủ nên dự án không thực hiện để tránh lãng phí
VOSA SÀI GÒN				
8	Cao ốc văn phòng VOSA Sài Gòn	5.000	0%	Do ảnh hưởng dịch bệnh nên nguồn cung văn phòng cho thuê đang dư thừa phá vỡ mục tiêu dự án. Công ty tập trung nguồn vốn cho các dự án phục vụ SXKD, Dự án này tạm dừng và sẽ triển khai trong thời điểm khác phù hợp
VOSA VŨNG TÀU				
9	Sửa chữa, tu bổ mặt tiền trụ sở	120	100%	Đã thực hiện
Tổng cộng		22.270		

4.2. Các công ty con, công ty liên kết:

4.2.1 - Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam) - YLTV:

- Liên doanh được thành lập từ ngày 01/04/2014, VOSA đã góp đủ 51% vốn liên doanh (51.000 USD).

- Công ty có năm tài chính kết thúc ngày 31/03 hàng năm. Tháng 03 hàng năm, VOSA đã nhận tiền nhượng quyền điều hành sản xuất kinh doanh với mức cố định là 40.000 USD cố định.

4.2.2 - Công ty liên doanh NYK Auto Logistics (Việt Nam):

- Ngày 02/12/2016, tại Tokyo (Nhật Bản), Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line - Nhật Bản) đã ký Hợp đồng thành lập Công ty liên doanh NYK Auto Logistics (Việt Nam).

- Vốn Điều lệ của Công ty là 1.000.000 USD, trong đó cơ cấu vốn góp như sau:
 - + Công ty cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (VOSA) góp 200.000USD (20%) tương đương 4,54 tỷ đồng.
 - + Hãng tàu Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK LINE) góp 800.000USD (80%).
- Công ty có năm tài chính kết thúc ngày 31/03 hàng năm.
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 26/06/2017 và chính thức hoạt động.
- Đến tháng 5/2019, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 1.000.000USD lên 1.600.000USD, với tỷ lệ góp vốn các bên giữ nguyên. VOSA đã thực góp đủ vốn.

4.2.3 - Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam:

- VOSA góp 1% (4.000 USD) vốn điều lệ trong liên doanh và VOSA được nhận một khoản lợi nhuận cố định (5.000 USD/năm) cho đến khi hợp đồng liên doanh hết thời hạn.

5. Tình hình tài chính:

a) **Tình hình tài chính:** (*) Tỷ lệ trả cổ năm 2020 dự kiến là 15% bằng tiền mặt.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	620.415.843.768	551.417.666.764	13%
Doanh thu thuần	1.013.146.404.608	878.333.399.910	15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	41.986.719.585	41.571.255.098	1%
Lợi nhuận khác	267.367.276	623.685.083	-57%
Lợi nhuận trước thuế	42.254.086.861	42.194.940.181	0%
Lợi nhuận sau thuế	36.956.167.659	36.313.548.374	2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	15%	15%	-33%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,809	1,725	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TS ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,809	1,725	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,392	0,375	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,645	0,599	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,633	1,593	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,036	0,041	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,098	0,105	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,060	0,066	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0,041	0,047	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến ngày 31/12/2020):

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 14.096.486 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cp).
- + Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 14.096.486 cổ phần.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức (07 cổ đông)	7.751.908	54,99
2	Cổ đông cá nhân (698 cổ đông)	6.344.578	45,01
	Cộng 1 + 2	14.096.486	100,00
3	Cổ đông lớn (04 cổ đông)	10.723.356	76,07
4	Cổ đông nhỏ (701 cổ đông)	3.373.130	23,93
	Cộng 3 + 4	14.096.486	100,00
5	Cổ đông trong nước (697 cổ đông)	13.532.046	96,00
6	Cổ đông nước ngoài (08 cổ đông)	564.440	4,00
	Cộng 5 + 6	14.096.486	100,00
7	Cổ đông Nhà nước	7.196.838	51,05
8	Cổ đông khác	6.899.648	48,95
	Cộng 7 + 8	14.096.486	100,00
	705 cổ đông tổ chức và cá nhân	14.096.486	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

7.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics, nên sử dụng rất ít nguyên, nhiên vật liệu, chủ yếu sử dụng cho đội xe vận tải; năng lượng điện, nước chủ yếu chỉ sử dụng cho các kho bãi và các văn phòng làm việc.

7.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty luôn tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường, nhất là các quy định về môi trường liên quan đến hoạt động kinh doanh kho bãi, đội xe vận tải ...

- Hàng năm, Công ty đều có các quy định, yêu cầu các chi nhánh và toàn thể CBCNV thực hành tiết kiệm, trong đó có tiết kiệm điện, nước và bảo vệ môi trường nơi làm việc.

7.3. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty: 543 người.
- Cơ cấu phân bổ lao động:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo đối tượng lao động	Người	543	100,00
1	Người quản lý	Người	3	0,56
2	Lao động trực tiếp SXKD	Người	419	77,16
3	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	Người	75	13,81
4	Lao động thừa hành, phục vụ	Người	46	8,47
II	Phân theo trình độ lao động	Người	543	100,00
1	Đại học và sau đại học	Người	403	74,21
2	Cao đẳng và Trung cấp	Người	54	9,94
3	Khác	Người	86	15,85

+ Tiền lương bình quân năm 2020: 12.452.741 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như Thỏa ước lao động tập thể. Công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động tại Công ty được quan tâm thích đáng; Phong trào thi đua lao động giỏi, vận động người lao động có các cải tiến, sáng kiến nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh được người lao động hưởng ứng tích cực.

- Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm tai nạn 24/24 và đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, đúng hạn cho toàn bộ người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia tập huấn tại các lớp học về chuyên môn nghiệp vụ như: quản trị công ty, lao động, kế toán, logistics,... để cập nhật các kiến thức, thông tin mới về Luật thuế, BHXH, Luật Lao động ... và ngoại ngữ do các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức.

+ Trong năm đã tổ chức Hội thảo chuyên đề về nghiệp vụ chăm sóc khách hàng và phát triển thị trường nhằm tạo sự gắn kết và phối hợp giữa các chi nhánh trong toàn Công ty và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ lãnh đạo làm công tác chuyên môn, gồm:

_ Chuyên đề Kinh nghiệm và bài học về kinh tế, tài chính;

_ Chuyên đề Nâng cao dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp.

+ Kế hoạch năm 2021:

_ Tiếp tục tổ chức khóa học về nghiệp vụ chăm sóc khách hàng và phát triển thị trường.

_ Tổ chức Hội thảo chuyên đề về lĩnh vực Đại lý vận tải, Tài chính kế toán.

_ Tổ chức chương trình truyền thông về văn hóa doanh nghiệp lấy khách hàng làm trung tâm.



7.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

+ Công ty tiếp tục có nhiều hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội như: tổ chức chương trình tự thiện “Vì miền Trung ruột thịt – VOSA lan tỏa yêu thương” trao 300 phần quà cho nhân dân tại xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh chịu ảnh hưởng nặng nề trong đợt lũ lụt năm 2020.

+ Công ty và toàn thể CBCNV tích cực tham gia đóng góp Quỹ ủng hộ CBCNV nghèo của Tổng công ty Hàng hải và địa phương phát động..., xây dựng Quỹ chia sẻ yêu thương trong nội bộ Công ty để tạo nguồn giúp đỡ những Người lao động trong Công ty có hoàn cảnh khó khăn ...

+ Công ty tiếp tục phụng dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng tại TP. HCM, Bến Tre, Quảng Nam, Hưng Yên v.v.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã trình lên Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 kế hoạch SXKD cho năm 2020 và đã được nhất trí thông qua, như sau:

+ Tổng doanh thu: 843.000.000.000 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế: 42.000.000.000 đồng.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2019	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2019
Tổng doanh thu	843.000	1.037.088	905.253	123%	115%
Doanh thu kinh doanh	819.000	1.013.146	878.333	124%	115%
Lợi nhuận trước thuế	42.000	42.254	42.195	101%	100%

* Kết quả sản xuất kinh doanh của toàn công ty đạt kế hoạch được giao do các nguyên nhân khách quan và chủ quan sau:

- Dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng đến toàn bộ các chi nhánh và tất cả các loại hình kinh doanh của Công ty nhưng nặng nề nhất là đối với dịch vụ kho ngoại quan – tạm nhập tái xuất và dịch vụ hàng hải, du lịch.

- Chi phí thuê đất của toàn Công ty ước tăng 2,3 tỷ đồng so với năm 2019 do giá thuê đất kho bãi tại các khu vực tăng cao.

- Doanh thu tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu đại lý vận tải và kho bãi tăng mạnh, tuy nhiên doanh thu đại lý vận tải tăng do cước vận tải hàng không tăng mạnh trong thời kỳ ảnh hưởng dịch Covid-19 nên doanh thu tăng cao nhưng lợi nhuận từ dịch vụ này không tăng hoặc giảm sút do cạnh tranh khó khăn hơn; doanh thu kho bãi tăng do số lượng kho thuê bên ngoài tăng thêm để phục vụ cho khách hàng nhưng không mang lại lợi nhuận hoặc rất hạn chế từ dịch vụ thuê kho mà chủ yếu để cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải liên quan nên doanh thu tăng cao nhưng lợi nhuận từ dịch vụ này tương đương cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận Công ty đạt kế hoạch được giao. Trước tình hình khó khăn dịch bệnh Covid-19, sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường, ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty đã nỗ lực

tăng cường công tác tiếp thị tìm khách hàng mới, nâng cao chất lượng phục vụ góp phần đưa lợi nhuận công ty đạt kế hoạch được giao.

- Trước tình hình kinh tế khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty đã kịp thời đưa ra những quyết sách trong định hướng kinh doanh của công ty như:

+ Giải pháp khách hàng: Tăng cường cung cấp thông tin cho khách hàng, bám sát khách hàng trong mỗi dịch vụ, mỗi dự án của khách hàng;

+ Giải pháp nhân sự: Kiện toàn bộ máy nhân sự từ cấp Công ty đến các chi nhánh để tăng cường công tác quản trị và sản xuất kinh doanh.

+ Giải pháp công nghệ thông tin: Áp dụng tối đa các ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh; Tăng cường các hình thức làm việc trực tuyến (online) để đảm bảo an toàn và giảm thiểu chi phí.

+ Giải pháp tài chính: Tập trung hỗ trợ các chi nhánh cần vốn lưu động để kinh doanh để tối ưu hóa nguồn tài chính của Công ty; Đưa ra các quy định chặt chẽ đối với các chi phí trực tiếp, gián tiếp để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Chi đầu tư vào những dự án mang lại hiệu quả nhanh, chưa đầu tư vào những dự án dài hạn, chưa cần thiết.

- Những chính sách trên đã đưa đến những hiệu quả nhất định cho công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm xuống dù các chi phí quản lý đầu vào tăng lên.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

a.1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định Hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	98.901.288.308	49.669.122.763	4.831.753.706	153.402.164.777
- Mua trong năm	131.021.981	-	328.482.636	459.504.617
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(162.880.000)	-	-	(162.880.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(150.028.960)	(150.028.960)
- Phân loại lại	(1.177.418.183)	(2.000.000)	1.179.418.183	-
Số dư cuối năm	97.692.012.106	49.667.122.763	6.189.625.565	153.548.760.434
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	55.284.002.714	31.227.887.091	4.708.720.742	91.220.610.547
- Khấu hao trong năm	3.577.224.545	4.326.234.617	386.714.869	8.290.174.031
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(18.663.337)	-	-	(18.663.337)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(150.028.960)	(150.028.960)
- Phân loại lại	(330.083.394)	287.712.560	42.370.834	-
Số dư cuối năm	58.512.480.528	35.841.834.268	4.987.777.485	99.342.092.281
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	43.617.285.594	18.441.235.672	123.032.964	62.181.554.230
Tại ngày cuối năm	39.179.531.578	13.825.288.495	1.201.848.080	54.206.668.153

a.2. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.659.091.724	2.108.079.300	20.767.171.024
- Mua trong năm	-	81.950.000	81.950.000
Số dư cuối năm	18.659.091.724	2.190.029.300	20.849.121.024
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.369.544.197	2.025.590.414	3.395.134.611
- Khấu hao trong năm	191.361.573	43.613.049	234.974.622
Số dư cuối năm	1.560.905.770	2.069.203.463	3.630.109.233
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	17.289.547.527	82.488.886	17.372.036.413
Tại ngày cuối năm	17.098.185.954	120.825.837	17.219.011.791

a.3. Tăng, giảm bất động sản đầu tư: các công trình nhà kho và bãi cho thuê phát sinh tại Công ty mẹ.

Bất động sản đầu tư	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	74.584.104.356	74.584.104.356
- Tăng do chuyển từ TSCĐ Hữu hình	162.880.000	162.880.000
Số dư cuối năm	74.746.984.356	74.746.984.356
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	41.169.923.702	41.169.923.702
- Khấu hao trong năm	3.978.086.963	3.978.086.963
- Tăng do chuyển từ TSCĐ Hữu hình	18.663.337	18.663.337
Số dư cuối năm	45.166.674.002	45.166.674.002
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	33.414.180.654	33.414.180.654
Tại ngày cuối năm	29.580.310.354	29.580.310.354

a.4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Xây dựng cơ bản dở dang	Số đầu năm	Số cuối năm
Dự án nhà văn phòng Vitamas	-	92.022.727
Chi phí sửa chữa văn phòng Vosa Quy Nhơn	108.500.000	108.500.000
Cộng	108.500.000	200.522.727

- Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu / Tổng tài sản BQ	1,73	1,49
Doanh thu / Tài sản dài hạn BQ	5,32	4,33
Doanh thu / Nguyên giá TSCĐ BQ	5,81	5,15
LNST / Tổng tài sản BQ	0,06	0,06
LNST / Tài sản dài hạn BQ	0,19	0,18
LNST / Nguyên giá TSCĐ BQ	0,21	0,21

- Ảnh hưởng của nợ phải thu xấu đối với kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
Số dư đầu năm dự phòng phải thu	387.870.419	264.503.773
Trích lập dự phòng bổ sung	16.991.296	127.760.024
Hoàn nhập dự phòng	(140.330.725)	(41.815.378)
Số cuối năm dự phòng phải thu	264.530.990	350.448.419
Tỷ lệ chi phí dự phòng / Lợi nhuận trước thuế	0,02%	0,29%
Tỷ lệ nợ khó đòi / Phải thu khách hàng	0,17%	0,40%

b. Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại: Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
Nợ phải trả, trong đó:	243.210.238.818	206.517.285.368
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>241.860.912.734</i>	<i>204.990.559.284</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>1.349.326.084</i>	<i>1.526.726.084</i>
Vốn chủ sở hữu	377.205.604.950	344.900.381.396
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	1,809	1,725
Hệ số khả năng thanh toán nhanh {(Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn}	1,809	1,725
Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	0,645	0,599
Hệ số Nợ vay / Vốn chủ sở hữu	0	0,001

- Ảnh hưởng chi phí lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	17.011.825	38.245.232
Tỷ lệ chi phí lãi vay / Lợi nhuận trước thuế	0,0004	0,001

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
Chênh lệch tỷ giá làm tăng lợi nhuận (A)	2.617.713.477	2.195.021.793
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá</i>	<i>2.617.713.477</i>	<i>2.195.021.793</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại</i>		
Chênh lệch tỷ giá làm giảm lợi nhuận (B)	1.412.178.582	1.652.595.437
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá</i>	<i>1.369.270.282</i>	<i>1.522.625.352</i>
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại</i>	<i>42.908.300</i>	<i>129.970.085</i>
(A) – (B)	1.205.534.895	542.426.356
Tỷ lệ CLTG / Lợi nhuận trước thuế	0.029	0.013

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm qua, Công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty theo xu hướng trẻ hóa cán bộ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công việc. Hoàn thành việc tái cấu trúc Văn phòng Công ty và một số chi nhánh trong năm theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

- Ngay từ đầu năm, Công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, đầu tư và triệt để tiết kiệm chi phí quản lý Công ty, phổ biến tới các chi nhánh và người lao động của Công ty.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được về công tác quản trị Công ty:

+ Từng bước tái cơ cấu bộ máy quản trị và điều hành, chú trọng vào công tác nhân sự và quản lý tài chính để đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Công ty xác định rõ trong tình hình vốn hoạt động còn hạn chế thì nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty nên Công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực của mình, đào tạo nên đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng, chuyên môn tốt và có nhiệt huyết với Công ty, xây dựng đội ngũ quản trị có hướng tới quy hoạch và kế thừa cho sự phát triển dài hạn.

+ Ban hành Quy chế quản lý tài chính để quy định rõ việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính của pháp luật, Công ty và thực hiện một cách rõ ràng, công khai, minh bạch gắn với phân công, phân cấp quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ từng cấp; Tình hình tài chính cũng từng bước cải thiện rõ rệt, công nợ được quản lý và đối chiếu, không còn ý kiến ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán về vấn đề công nợ tiềm tàng.

+ Sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo các quy định hiện hành của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Công ty xây dựng Chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:

* Mục tiêu hoạt động:

- Phát triển bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ Đại lý tàu biển truyền thống, Đại lý vận tải và Logistics, Thương mại xuất nhập khẩu.

- Tập trung phát triển dịch vụ logistics: tiếp tục đầu tư hệ thống kho bãi, phương tiện; liên kết với các khách hàng lớn, tiềm năng để đầu tư và phát triển kho bãi, phương tiện vận tải.

- Xây dựng kế hoạch phát triển vận tải đa phương thức.

- Mở rộng mạng lưới hoạt động ra thị trường thế giới.

- Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới.

- Quản trị và phát triển tốt nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

* Thị trường và khách hàng mục tiêu:

- Tiếp tục giữ vững các khách hàng truyền thống tại các khu vực Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và các khu vực khác;

- Tập trung phát triển thị trường trong nước đối với các khách hàng là chủ hàng, nhà máy sản xuất tại Việt Nam;

- Ngoài những khách hàng trên, công ty sẽ tập trung tiếp cận những công ty logistics nước ngoài và những công ty đại lý toàn cầu để mở rộng quan hệ và dịch vụ.

4.2. Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2021:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	KH 2021	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Điều lệ	140.964.860.000	140.964.860.000	-
2	Tổng doanh thu	1.037.087.768.248	958.000.000.000	92%

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	KH 2021	Tỷ lệ (%)
3	Doanh thu kinh doanh	1.013.146.404.608	953.000.000.000	94%
4	Tổng Lợi nhuận trước thuế	42.254.086.861	31.000.000.000	73%
5	Lợi nhuận sau thuế	36.956.167.659	24.800.000.000	67%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.622	1.484	57%
7	Cổ tức (%)	15%	08%	53%

4.3. Kế hoạch đầu tư năm 2021:

4.3.1 - Các dự án xây dựng thực hiện các năm trước chuyển sang năm 2020: Không có.

4.3.2 - Các dự án đầu tư, xây dựng mới năm 2021:

TT	Tên dự án	Hạng mục/Quy mô	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
	Kế hoạch đầu tư		18.803		
	Đầu tư XDCB		9.416		
	Mua sắm trang thiết bị		9.387		
I	Dự án đầu tư XDCB		9.416		
	VOSA Quảng Ninh				
1	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng nhà kho, điện bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng	Sửa chữa thay thế	1.200	Vốn tự có	2021
2	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	Sửa chữa cải tạo	1.500	Vốn tự có	2021
3	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, công số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	Xây mới	2.700	Vốn tự có	2021
4	Thay thế băng tải B1200, gầu tải và hệ thống điện điều khiển nhà kho 1A.	Sửa chữa thay thế hư hỏng trong quá trình vận hành khai thác.	2.212	Vốn tự có	2021
5	Sửa chữa mặt sân bê tông khu kho bãi Cái Lân	Sửa chữa hư hỏng trong quá trình khai thác	554	Vốn tự có	2021
6	Sửa chữa mái sảnh, cấp thoát nước nhà văn phòng, mái sảnh hội trường và biển hiệu VOSA QN	sửa chữa cải tạo do đã xuống cấp hư hỏng theo thời gian	250	Vốn tự có	2021
	NORTHFREIGHT				
7	Dự án xây dựng tường rào ngăn bãi	Công rào, Hàng rào di động dài 360m cao 2,2m làm bằng thép hộp và thép góc.	300	Vốn tự có	2021

TT	Tên dự án	Hạng mục/Quy mô	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
8	Dự án sửa chữa, sơn lại toà nhà văn phòng và nhà kho số 1	Chống thấm, xử lý tường cũ, sơn tường khoản 3.500 m ² . Sơn cửa khoảng 200 m ²	300	Vốn tự có	2021
SAMTRA					
9	Dự án sửa nhà văn phòng Samtra	Nhà 3 tầng trên diện tích đất 75m ² đã nứt tường xuống cấp. Sửa chữa gia cố cột, sơn tường, lát gạch bị bong tróc.	400	Vốn tự có	2021
II	Dự án mua sắm thiết bị		9.387		
1	Xe chở khách hiệu Hyundai County 29 chỗ ngồi - thân dài do Hyundai Thành Công lắp ráp	Đầu tư mới	1.387	Vốn tự có	2021
2	Dự án mua xe vận tải (xe sơ mi)	5 xe đầu kéo + mooc	8.000	Vốn tự có	2021

- Tổng giá trị đầu tư: 18.803.000.000 đồng.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

- Đã báo cáo đánh giá tại điểm 7, Phần II - Tình hình hoạt động trong năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT) về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Năm 2020 là năm có nhiều khó khăn đối với Công ty trong công tác kinh doanh, dưới sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên toàn Thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng; Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các Công ty cùng ngành nghề dịch vụ hàng hải và logistics; tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định do ảnh hưởng bởi cuộc chiến thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc kéo dài và đặc biệt là tình hình hàng hóa biên mậu Việt - Trung nên dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan mặc dù đã dần khôi phục so với năm trước, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng; Đại lý liner cũng cạnh tranh khốc liệt, hãng tàu Namsung Shipping tách ra tự thành lập Công ty; phí đại lý ngày càng giảm sâu. Tuy nhiên, về tổng thể, Công ty vẫn duy trì và ổn định được các dịch vụ cốt lõi, nhất là các dịch vụ đại lý tàu truyền thống, đại lý liner, dịch vụ logistics v.v. đạt được kết quả kinh doanh tương đối ổn định, có hiệu quả. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 2.622 đồng/cổ phần.

- Công tác quản lý tài chính dần được siết chặt, việc bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ và quy định của Nhà nước. Công ty quản lý tốt các nguồn thu, chi, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho nhà nước.

- Thương hiệu VOSA vẫn được các khách hàng lớn trong và ngoài nước tin tưởng, ủy thác và tiếp tục hợp tác, liên doanh dài hạn.

- Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.
- Các đoàn thể đều hoạt động tốt, các phong trào thi đua, văn nghệ, thể thao được người lao động tham gia sôi nổi, nhiệt tình.
- Công tác đối với xã hội và cộng đồng vẫn luôn được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động hàng ngày và công tác quản lý nói chung, đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, cũng như các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua hình thức trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất.

- Ban Tổng giám đốc hiện tại chỉ có 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc, nhưng Ban Tổng giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc điều hành công tác sản xuất kinh doanh.

- Công ty giữ ổn định hoạt động kinh doanh, việc làm, thu nhập, quyền lợi cho người lao động, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông là một nỗ lực đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2020.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2021:

- Năm 2021, Đại dịch Covid-19 vẫn đang tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp và nguy hiểm, do đó dự báo nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức gây ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế toàn cầu.

- Hội đồng quản trị Công ty đã đánh giá những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra định hướng chiến lược phát triển và mục tiêu cho năm 2021 như sau:

+ Định hướng chiến lược phát triển ngành nghề đại lý hàng hải - logistics gắn với tập trung phát triển đầu tư một số dự án cảng thủy nội địa và ICD tại khu vực trung tâm sản xuất hàng hóa phía Bắc; triển khai thực hiện phương án, dự án khai thác có hiệu quả nguồn lực tài chính, nhà đất, kho bãi hiện có của Công ty và đa dạng hóa các hình thức đầu tư, kinh doanh cốt lõi.

+ Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực về đại lý hàng hải chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu SXKD kết hợp với tăng cường quản lý nhân sự, tạo nguồn và quy hoạch nguồn cán bộ kế cận có năng lực và đạo đức để Công ty phát triển ổn định.

+ Tiếp tục thực hiện mục tiêu tinh giản bộ máy (nhân sự các cấp trung gian), SXKD gọn nhẹ và hiệu quả; đồng thời tiết giảm chi phí quản lý, điều hành và SXKD; nâng cao năng lực cạnh tranh.

+ Tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ Công ty đảm bảo công tác lãnh đạo, điều hành SXKD theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo việc làm và đời sống cán bộ công nhân viên, bảo đảm lợi ích của các nhà đầu tư.

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý tài chính theo đúng tinh thần công khai, minh bạch, đáp ứng các quy định của Nhà nước đối với Công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn giao dịch.

+ Quan tâm, phối hợp và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị, xã hội như: tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn thanh niên ... hoạt động một cách hiệu quả nhất để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tốt các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Thực hiện công bố thông tin chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

V. Quản trị công ty:**1. Hội đồng quản trị:**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Hình thức	Số lượng chức danh TV HĐQT tại các Công ty khác	Ghi chú
1	Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	0,00	Thành viên điều hành	1	
2	Trịnh Vũ Khoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	1	
3	Nguyễn Bích Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban Tổ chức tiền lương	0,02	Thành viên không điều hành	0	
4	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0	Bắt đầu từ 23/06/2020
5	Trần Hồng Quang	Thành viên HĐQT	6,95	Thành viên không điều hành	2	
6	Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên độc lập	1	
7	Nguyễn Thế Tiệp	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên độc lập	0	
8	Nguyễn Thị Thanh Trang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	1	Miễn nhiệm từ 23/06/2020

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Năm 2020, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ, 02 cuộc họp bất thường và 22 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo kịp thời công tác SXKD, đầu tư XDCB ... Nội dung chính của các cuộc họp và lấy ý kiến đã được trình bày chi tiết tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2020.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: tham gia đầy đủ các cuộc họp. Thực hiện nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế, Quy định của Công ty.

- Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT
2	Trịnh Vũ Khoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Bích Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban Tổ chức tiền lương
4	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT
5	Trần Hồng Quang	Thành viên HĐQT

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)	Ghi chú
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	0	
2	Nguyễn Hồng Hải	Thành viên BKS	0	
3	Trần Thị Hạnh	Thành viên BKS	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	04/06/2014	3/3	100%	
2	Nguyễn Hồng Hải	Ủy viên BKS	26/06/2019	2/2	100%	<i>Có đơn xin tạm dừng thực hiện nhiệm vụ BKS từ 22/10/2020 và tiếp tục thực hiện nhiệm vụ từ 26/2/2021</i>
3	Trần Thị Hạnh	Ủy viên BKS	31/05/2018	3/3	100%	

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính và hoạt động năm 2020 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ; báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch của Công ty;

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT. Ban Kiểm soát đã thu thập thông tin đánh giá công tác quản lý điều hành theo đúng chức năng nhiệm vụ, đảm bảo

tính khách quan, thực hiện đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra Báo cáo tài chính, tình hình quản lý sử dụng tài sản nguồn vốn của các chi nhánh bao gồm: Vosa Cần Thơ, Vitamas.

- Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cung cấp, trao đổi thông tin để hiểu rõ những thuận lợi cũng như khó khăn trong công tác tổ chức điều hành, quản lý công ty;

- Một số công việc khác theo quy định.

Thù lao của Ban Kiểm soát: Cụ thể tại mục 3 phần V Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty.

*** Đánh giá kết quả giám sát tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh, thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, lập báo cáo tài chính năm 2020 của công ty:**

- Ban Kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động năm 2020 của Công ty và thông nhất đánh giá như sau:

+ Năm 2020, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống người dân. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt, gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận do ĐHĐCĐ giao.

*** Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:**

- Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã thực hiện việc chi thù lao cho HĐQT và BKS, Phụ trách quản trị công ty năm 2020; thực hiện phân bổ các quỹ theo đúng Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

- Theo kế hoạch đầu tư năm 2020, Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt 9 dự án đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan nên chỉ có 1 dự án được thực hiện chiếm tỷ trọng 0,54% so với kế hoạch là dự án sửa chữa tu bổ mặt tiền trụ sở Vosa Vũng Tàu. Các dự án còn lại Công ty chưa thực hiện (Cụ thể tại mục 3 phần II Báo cáo thường niên năm 2020).

- Công ty chưa thành lập 02 tiểu ban giúp việc HĐQT là Tiểu ban nhân sự và chiến lược; Tiểu Ban kiểm toán nội bộ và thẩm định dự án. Hiện tại HĐQT đã giao thành viên HĐQT - Nguyễn Thị Thanh Hà chủ trì dự thảo Quyết định thành lập và Quy chế tổ chức và hoạt động của hai tiểu ban đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua chủ trương tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ để trình HĐQT xem xét, quyết định.

*** Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020:**

- Trên cơ sở Báo cáo tài chính do Ban Tổng giám đốc Công ty lập, Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Ban Kiểm soát đã xem xét thẩm định và có ý kiến thống nhất với ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là *“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”*.

*** Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty:**

- Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

+ Năm 2020, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ, 02 cuộc họp bất thường và 22 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. HĐQT đã ban hành 20 Nghị quyết liên quan đến công tác quản trị, SXKD, tổ chức nhân sự, đầu tư, v.v... Các thành viên HĐQT đã thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn của mình theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy định của Công ty. HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn theo dõi, giám sát, đôn đốc Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư, việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT...

+ Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đánh giá chung: HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHCĐ giao.

- Hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

+ Ban Tổng giám đốc Công ty đã nỗ lực tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và lĩnh vực hàng hải trong nước và thế giới, dịch bệnh Covid-19 để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ khác được ĐHCĐ giao, thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT.

+ Trong năm qua Ban kiểm soát cũng không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban Tổng giám đốc Công ty.

+ Đánh giá chung: Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHCĐ và HĐQT giao.

- Về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

+ Trong năm 2020, Công ty không có phát sinh giao dịch với các đối tượng có liên quan như nêu trên.

*** Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020:**

- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

- Kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính cân trọng, trung thực trong các báo cáo của Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác tài chính kế toán;

- Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và 9 tháng đầu năm 2021

- Phối hợp cùng các Ban chuyên môn và Công ty kiểm toán độc lập để giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, công nợ của các chi nhánh theo điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ và các quy định của Nhà nước. Thực hiện kiểm tra tại Văn phòng Công ty và một số chi nhánh.

- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện công tác giám sát quản trị và điều hành của Công ty đồng thời đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Rà soát, có ý kiến để hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc có ý kiến trong việc xây dựng các quy chế, quy định quản lý nội bộ.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

*** Kiến nghị của Ban Kiểm soát:**

- Qua quá trình kiểm tra một số chi nhánh trong năm 2020, Ban Kiểm soát cũng có những ý kiến nhận xét đánh giá đối với công tác quản lý tài chính tại các chi nhánh của Công ty. Ban Kiểm soát kiến nghị Tổng giám đốc xem xét, chỉ đạo Ban Tài chính Kế toán thường xuyên rà soát hướng dẫn các đơn vị phụ thuộc để nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định về công tác quản lý tài chính, kế toán, thuế; chỉ đạo sớm hoàn thành quyết toán dự án xây dựng Văn phòng tại chi nhánh Vitamas, VOSA Nha Trang; Rà soát cơ sở nhà đất, thực hiện gia hạn thời gian thuê và hồ sơ pháp lý của các cơ sở nhà đất của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị thực hiện chi tiền thưởng và thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua ngày 23/06/2020.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (đồng)	Ghi chú
1	Thù lao HĐQT và BKS	852.200.000	
1.1	Thù lao của thành viên HĐQT: bình quân 9 triệu đồng/người/tháng.	648.000.000	06 người
1.2	Thù lao của thành viên BKS: bình quân 6 triệu đồng/người/tháng.	204.200.000	03 người
2	Tiền thưởng HĐQT, BDH và BKS	162.000.000	11 người
3	Quỹ tiền lương của Người quản lý Công ty	1.296.000.000	03 người
	Cộng	2.310.200.000	

Ghi chú:

- 01 Thành viên HĐQT hưởng lương chuyên trách, nên không hưởng thù lao HĐQT.
- 01 Thành viên BKS xin tạm dừng nhiệm vụ 04 tháng (từ tháng 11/2020 đến hết tháng 02/2021), nên không hưởng thù lao BKS trong thời gian tạm dừng nhiệm vụ.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:


- Công ty luôn thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ và các quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thực hiện tốt các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ cổ đông và Đại hội cổ đông; thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát; ngăn ngừa các xung đột lợi ích và không có các giao dịch với người có liên quan trong năm 2020, đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty; thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình SXKD, tài chính, quản trị công ty cho UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và cổ đông.

*** Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị Công ty:** Không có.

VI. Báo cáo tài chính:

- Đề nghị xem toàn bộ Báo cáo tài chính đính kèm hoặc tại đường link sau:

[http://vosa.com.vn/Thong-tin-co-dong/Bao-cao-tai-chinh-nam-2020-da-duoc-kiem-toan---
Ngay-02-03-2021-655.html](http://vosa.com.vn/Thong-tin-co-dong/Bao-cao-tai-chinh-nam-2020-da-duoc-kiem-toan---Ngay-02-03-2021-655.html)

Xác nhận của Đại diện 
theo pháp luật của Công ty



Trịnh Vũ Khoa

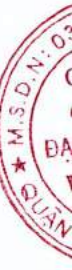


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 40
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2020)
Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên	
Ông Ngô Thanh Tùng	Ủy viên	
Ông Trần Hồng Quang	Ủy viên	
Bà Nguyễn Bích Thảo	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thế Tiếp	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2020)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Vũ Khoa	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2020)
	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (Phụ trách từ ngày 17/04/2020 đến ngày 01/07/2020)
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc phụ trách (Phụ trách từ ngày 26/06/2019 đến ngày 17/04/2020)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Việt	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trịnh Vũ Khoa

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được lập ngày 02 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên



Lê Kim Yến

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0550-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		437.488.607.716	353.699.815.285
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	209.776.632.670	179.783.658.944
111	1. Tiền		110.276.632.670	96.969.094.560
112	2. Các khoản tương đương tiền		99.500.000.000	82.814.564.384
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	23.220.000.000	1.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		23.220.000.000	1.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		193.181.396.370	152.727.655.596
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	162.485.570.320	127.951.898.085
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	14.165.530.803	4.782.213.488
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	16.794.826.237	20.381.414.442
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(264.530.990)	(387.870.419)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.310.578.676	20.188.500.745
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	251.963.308	8.676.992.016
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.815.163.036	10.738.242.833
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	243.452.332	773.265.896
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		182.927.236.052	197.717.851.479
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.959.945.488	9.263.634.652
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	8.959.945.488	9.263.634.652
220	II. Tài sản cố định		71.425.679.944	79.553.590.643
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	54.206.668.153	62.181.554.230
222	- Nguyên giá		153.548.760.434	153.402.164.777
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(99.342.092.281)	(91.220.610.547)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	17.219.011.791	17.372.036.413
228	- Nguyên giá		20.849.121.024	20.767.171.024
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.630.109.233)	(3.395.134.611)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	29.580.310.354	33.414.180.654
231	- Nguyên giá		74.746.984.356	74.584.104.356
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.166.674.002)	(41.169.923.702)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		108.500.000	200.522.727
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		108.500.000	200.522.727
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	13.542.299.149	14.148.291.148
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.248.600.000	7.248.600.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.614.263.664	11.614.263.664
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.320.564.515)	(4.714.572.516)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		59.310.501.117	61.137.631.655
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	59.310.501.117	61.137.631.655
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		620.415.843.768	551.417.666.764

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		243.210.238.818	206.517.285.368
310	I. Nợ ngắn hạn		241.860.912.734	204.990.559.284
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	92.202.203.410	81.522.399.140
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	13.423.277.344	7.604.786.398
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.641.324.815	5.417.131.218
314	4. Phải trả người lao động		14.443.662.843	16.890.422.865
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	5.582.815.618	4.187.977.077
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	2.111.920.000	280.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	97.993.178.326	78.928.657.379
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	-	60.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.462.530.378	10.099.185.207
330	II. Nợ dài hạn		1.349.326.084	1.526.726.084
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	500.000.000	500.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	849.326.084	891.726.084
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	-	135.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		377.205.604.950	344.900.381.396
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	377.205.604.950	344.900.381.396
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		140.964.860.000	140.964.860.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		140.964.860.000	140.964.860.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		124.241.027.257	113.346.962.745
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14.816.955.392	14.240.002.725
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		97.182.762.301	76.348.555.926
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		60.226.594.642	40.035.007.552
421b	LNST chưa phân phối năm nay		36.956.167.659	36.313.548.374
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		620.415.843.768	551.417.666.764

Người lập



Nguyễn Lương Huy

Phó Trưởng ban TCKT phụ trách



Võ Trung Thắng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trịnh Vũ Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.013.146.404.608	878.333.399.910
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.013.146.404.608	878.333.399.910
11	4. Giá vốn hàng bán	23	937.196.004.027	788.997.020.878
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.950.400.581	89.336.379.032
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	23.433.359.245	25.434.726.141
22	7. Chi phí tài chính	25	2.035.351.006	3.924.395.037
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>17.011.825</i>	<i>38.245.232</i>
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	55.361.689.235	69.275.455.038
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.986.719.585	41.571.255.098
31	10. Thu nhập khác	27	508.004.395	1.484.868.332
32	11. Chi phí khác	28	240.637.119	861.183.249
40	12. Lợi nhuận khác		267.367.276	623.685.083
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.254.086.861	42.194.940.181
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	5.297.919.202	5.881.391.807
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>36.956.167.659</u>	<u>36.313.548.374</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.622	2.257

Người lập



Nguyễn Lương Huy

Phó Trưởng ban TCKT phụ trách



Võ Trung Thắng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trịnh Vũ Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		42.254.086.861	42.194.940.181
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.503.235.616	12.672.432.421
03	Các khoản dự phòng		(4.517.347.430)	(5.619.554.154)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		42.908.300	129.970.085
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.815.645.768)	(24.595.601.301)
06	Chi phí lãi vay		17.011.825	38.245.232
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		29.484.249.404	24.820.432.464
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(39.708.414.459)	21.585.117.832
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		42.240.693.096	(69.805.793.559)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		10.252.159.246	(6.641.989.588)
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.011.825)	(38.245.232)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.238.911.687)	(6.878.964.919)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.287.598.934)	(7.216.909.533)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		32.725.164.841	(44.176.352.535)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(449.431.890)	(3.079.253.762)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.413.190.908
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.220.000.000)	(1.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	61.001.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị		-	(2.790.600.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.929.658.074	24.264.535.782
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.739.773.816)	79.809.372.928

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(195.000.000)	(404.000.000)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở		(774.400.000)	(27.442.327.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(969.400.000)</i>	<i>(27.846.327.000)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		30.015.991.025	7.786.693.393
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		179.783.658.944	172.124.412.050
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(23.017.299)	(127.446.499)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>209.776.632.670</u>	<u>179.783.658.944</u>

Người lập

Nguyễn Lương Huy

Phó Trưởng ban TCKT phụ trách

Võ Trung Thắng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trịnh Vũ Khoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 140.964.860.000 VND tương đương với 14.096.486 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ, thương mại hàng hải.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đại lý, kiểm đếm hàng hóa;
- Môi giới và dịch vụ hàng hải;
- Đại lý tàu biển (cung ứng thực phẩm, nước ngọt) và đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan);
- Dịch vụ cung ứng tàu biển, vận tải đa phương thức quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistics và kinh doanh vận tải biển;
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông - hải sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa, đại lý ký gửi hàng, vận tải đa phương quốc tế, dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ logistic, mua bán, cho thuê và sửa chữa container;
- Kinh doanh kho bãi, kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở) và dịch vụ khai thuế hải quan.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Đại lý giao nhận vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Dịch vụ kho bãi và phân phối.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Bến Thủy	Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Kiểm đếm hàng rời, hàng công; Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc	Thành phố Hải Phòng	Đại lý hàng hải và môi giới thuê tàu; Giao nhận, vận tải hàng công trình; Giao nhận, vận tải đường biển.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Dịch vụ Hàng hải Phương Đông	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Dịch vụ Hàng Hải và Thương mại	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).

Thông tin về công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 44 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 11 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	34 - 50 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

2.12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.14. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định vô hình, các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.17. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.18. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.22. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.23. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.24. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.26. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.27. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.29. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.30. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31. Thông tin bộ phận

Do hoạt động chính của Công ty là đại lý vận chuyển, tàu biển và các dịch vụ kèm theo tại Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	564.105.390	3.004.494.088
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	109.712.527.280	93.964.600.472
Các khoản tương đương tiền (*)	99.500.000.000	82.814.564.384
	209.776.632.670	179.783.658.944

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,5%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	23.220.000.000	-	1.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	23.220.000.000	-	1.000.000.000	-
	23.220.000.000	-	1.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 3,6%/năm đến 6,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	7.248.600.000		(4.599.664.515)	7.248.600.000		(3.739.572.516)
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	7.248.600.000		(4.599.664.515)	7.248.600.000		(3.739.572.516)
Đầu tư vào đơn vị khác	11.614.263.664	18.970.832.000	(720.900.000)	11.614.263.664	1.545.000.000	(975.000.000)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (Mã: MSB) ⁽¹⁾	7.400.160.000	17.171.732.000	-	7.400.160.000		
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần (Mã TVN) ⁽²⁾	2.020.000.000	1.600.000.000	(420.000.000)	2.020.000.000	1.300.000.000	(720.000.000)
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam (Mã VLG) ⁽²⁾	500.000.000	199.100.000	(300.900.000)	500.000.000	245.000.000	(255.000.000)
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	1.072.836.000			1.072.836.000		
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	63.746.040			63.746.040		
- Công ty liên doanh Bông Sen	557.521.624			557.521.624		
	18.862.863.664	18.970.832.000	(5.320.564.515)	18.862.863.664	1.545.000.000	(4.714.572.516)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

⁽¹⁾ Cổ phiếu MSB niêm yết giao dịch trên sàn HOSE từ ngày 23/12/2020, do đó giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2020 của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập báo cáo tài chính trên sàn HOSE.

⁽²⁾ Giá trị hợp lý tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020 đối với cổ phiếu niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Vận tải đường biển, giao nhận và cho thuê kho bãi.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	Thành phố Hà Nội	0,078%	0,078%	Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội).
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	Thành phố Hà Nội	0,03%	0,03%	Khai thác quặng sắt; sản xuất gang, thép và các kim loại, sản phẩm thép.
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	0,35%	0,35%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa; vận tải biển.
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam ⁽³⁾	Thành phố Hà Nội	51,00%	0,00%	Vận tải đường bộ, giao nhận và cho thuê kho bãi; làm thủ tục hải quan, môi giới.
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam ⁽⁴⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	1,00%	1,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Công ty Liên doanh Bông Sen ⁽³⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	0,27%	0,27%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa; vận tải biển.

⁽³⁾ Ngày 01/04/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000 USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Theo hợp đồng liên doanh được ký kết với Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd vào ngày 10/09/2013, VOSA sẽ trao cho Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd quyền được quản lý, kiểm soát Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam đổi lại VOSA sẽ nhận được khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000 USD từ Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd. Đối với phần lợi nhuận từ liên doanh vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

⁽⁴⁾ Ngày 26/03/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd (YLSG) thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn. Theo đó, VOSA đồng ý chuyển nhượng một phần vốn góp trong Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam (sau đây gọi là "Công ty") tương ứng với 50% vốn điều lệ (tương đương 200.000 USD). Theo hợp đồng chuyển nhượng, VOSA sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận từ số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty lũy kể đến 31/03/2014 theo tỷ lệ góp vốn trước thời điểm chuyển nhượng (tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%, YLSG là 49%) và khoản lợi nhuận này sẽ được chia cho các bên theo bảy (07) đợt thanh toán hằng năm bằng nhau trong bảy (07) năm tài chính sau ngày 31/03/2014 (phân kỳ 07 năm từ 2014-2020), mỗi kỳ VOSA nhận được số tiền 15,5 tỷ đồng. Sau ngày 31/03/2014, Công ty chia lợi nhuận từ các khoản lợi nhuận sau thuế khác, VOSA chỉ được nhận khoản lợi tức đảm bảo và YLSG được nhận các khoản lợi nhuận sau thuế còn lại của Công ty sau khi trừ đi các khoản lợi tức đảm bảo.

⁽⁵⁾ Được thành lập năm 1991, Công ty Liên doanh Bông sen (Cảng LOTUS) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETTRANS, VOSA, và đối tác nước ngoài BLASCO - Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23.705 USD với tỷ lệ góp vốn là 0,27%. Hằng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận hằng năm không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	16.336.822.282	-	9.106.935.172	-
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	12.237.761.474	-	10.294.179.846	-
- Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	5.389.313.378	-	6.692.862.365	-
- Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam	3.589.959.023	-	2.855.194.518	-
- Công ty TNHH KD Sports Việt Nam	4.864.193.903	-	3.988.405.994	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	4.018.544.653	-	1.955.534.005	-
- Công ty Cổ phần Hòa Bình	3.398.363.364	-	-	-
- Công ty Cổ phần Alk Vina	4.039.200.147	-	4.472.587.561	-
- Công ty TNHH Thép Daeho Việt Nam	2.230.540.182	-	-	-
- Công ty TNHH Wilhelmsen Sunnytrans	4.868.240.229	-	194.973.687	-
- Công ty TNHH Shang Wood Industries	2.073.428.066	-	1.455.568.512	-
- Công ty TNHH Jas Việt Nam	14.261.828.719	-	964.968.938	-
- Công ty TNHH Fedex Trade Networks Transport and Brokerage (Việt Nam)	9.082.941.349	-	1.832.460.677	-
- Công ty TNHH Sumitomo Warehouse (Việt Nam)	5.392.964.822	-	1.035.176.887	-
- Công ty TNHH Giao nhận Ba Rôm	3.924.310.610	-	456.709.865	-
- Công ty TNHH Hóa chất Taiko - Đại Hùng	3.041.459.180	-	6.840.545.737	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	63.735.698.939	(167.933.584)	75.805.794.321	(291.273.013)
	162.485.570.320	(167.933.584)	127.951.898.085	(291.273.013)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	129.552.183	-	198.010.683	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)</i>				

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	1.282.023.867	-	849.970.753	-
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu	2.143.616.112	-	56.827.812	-
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	2.970.786.766	-	1.000.000.000	-
- Công ty TNHH Tiếp vận Sao Mai	4.125.742.500	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	3.643.361.558	-	2.875.414.923	-
	14.165.530.803	-	4.782.213.488	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	70.000.000	-	70.000.000	-
- Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	4.548.456	-	8.120.854	-
- Phải thu về tạm ứng	7.052.573.559	-	6.612.572.466	-
- Ký cược, ký quỹ	119.076.170	-	993.700.000	-
- Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	9.154.686.124	(96.597.406)	11.794.870.336	(96.597.406)
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	324.507.221	-	438.519.527	-
- Phải thu khác	69.434.707	-	463.631.259	-
	16.794.826.237	(96.597.406)	20.381.414.442	(96.597.406)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	8.959.945.488	-	9.263.634.652	-
	8.959.945.488	-	9.263.634.652	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	-	125.410.683	-
+ Công ty Cổ phần Vận tải thủy và Thương mại Tấn Hưng	-	-	116.164.246	81.314.972
+ Shipping Corporation of India	96.597.406	-	96.597.406	-
+ Các đối tượng khác	91.230.901	48.708.000	175.528.328	44.515.272
	313.238.990	48.708.000	513.700.663	125.830.244

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	98.901.288.308	49.669.122.763	4.831.753.706	153.402.164.777
- Mua trong năm	131.021.981	-	328.482.636	459.504.617
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(162.880.000)	-	-	(162.880.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(150.028.960)	(150.028.960)
- Phân loại lại	(1.177.418.183)	(2.000.000)	1.179.418.183	-
Số dư cuối năm	97.692.012.106	49.667.122.763	6.189.625.565	153.548.760.434
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	55.284.002.714	31.227.887.091	4.708.720.742	91.220.610.547
- Khấu hao trong năm	3.577.224.545	4.326.234.617	386.714.869	8.290.174.031
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(18.663.337)	-	-	(18.663.337)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(150.028.960)	(150.028.960)
- Phân loại lại	(330.083.394)	287.712.560	42.370.834	-
Số dư cuối năm	58.512.480.528	35.841.834.268	4.987.777.485	99.342.092.281
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	43.617.285.594	18.441.235.672	123.032.964	62.181.554.230
Tại ngày cuối năm	39.179.531.578	13.825.288.495	1.201.848.080	54.206.668.153

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 44.614.973.147 đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.659.091.724	2.108.079.300	20.767.171.024
- Mua trong năm	-	81.950.000	81.950.000
Số dư cuối năm	18.659.091.724	2.190.029.300	20.849.121.024
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.369.544.197	2.025.590.414	3.395.134.611
- Khấu hao trong năm	191.361.573	43.613.049	234.974.622
Số dư cuối năm	1.560.905.770	2.069.203.463	3.630.109.233
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	17.289.547.527	82.488.886	17.372.036.413
Tại ngày cuối năm	17.098.185.954	120.825.837	17.219.011.791

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.034.579.300 đồng.

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	74.584.104.356	74.584.104.356
- Tăng do chuyển từ TSCĐ Hữu hình	162.880.000	162.880.000
Số dư cuối năm	74.746.984.356	74.746.984.356
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	41.169.923.702	41.169.923.702
- Khấu hao trong năm	3.978.086.963	3.978.086.963
- Tăng do chuyển từ TSCĐ Hữu hình	18.663.337	18.663.337
Số dư cuối năm	45.166.674.002	45.166.674.002
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	33.414.180.654	33.414.180.654
Tại ngày cuối năm	29.580.310.354	29.580.310.354

Trong đó:

- Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 187.068.000 đồng

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	77.738.333	98.666.879
- Chi phí làm hàng	-	8.392.963.750
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	174.224.975	185.361.387
	251.963.308	8.676.992.016
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	412.028.190	401.564.144
- Tiền thuê đất trả trước (*)	58.281.269.314	59.593.009.577
- Chi phí sửa chữa tài sản	475.871.391	965.016.027
- Chi phí trả trước dài hạn khác	141.332.222	178.041.907
	59.310.501.117	61.137.631.655

(*) Trong đó chủ yếu là khoản trả trước tiền thuê đất một lần tại số 25 phố Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cho thời hạn thuê 50 năm (từ ngày 24/06/2016 đến ngày 24/06/2066). Công ty đã hoàn tất các thủ tục và đã được nhà nước cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" vào ngày 17/05/2017 với giá trị ghi nhận ban đầu của quyền sử dụng đất là 60.896.981.000 đồng. Giá trị còn lại chưa phân bổ tại ngày 31/12/2020 là 55.720.737.628 đồng (số liệu ghi nhận tại ngày 01/01/2020 là 56.938.677.244 đồng, tiền thuê đất trả trước phân bổ trong năm 2020 là 1.217.939.616 đồng). Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất. (Xem thêm thuyết minh 2.16)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

13 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (*)	60.000.000	60.000.000	-	60.000.000	-	-
	60.000.000	60.000.000	-	60.000.000	-	-
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (*)	195.000.000	195.000.000	-	195.000.000	-	-
	195.000.000	195.000.000	-	195.000.000	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(60.000.000)	(60.000.000)	-	(60.000.000)	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	135.000.000	135.000.000			-	-

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Sao biển	2.533.679.702	2.533.679.702	1.875.296.753	1.875.296.753
- Iata Vietnam Company Limited	22.470.384.057	22.470.384.057	4.431.004.547	4.431.004.547
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiến Bộ	6.691.757.369	6.691.757.369	4.608.170.000	4.608.170.000
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	2.326.319.666	2.326.319.666	1.368.412.949	1.368.412.949
- Công ty TNHH Thăng Lát	-	-	2.696.574.810	2.696.574.810
- Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh doanh Đầu tư Logistic Expert	3.443.866.034	3.443.866.034	2.606.309.971	2.606.309.971
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Minh Châu	3.970.575.312	3.970.575.312	688.545.000	688.545.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải và Xuất nhập khẩu An Bình	7.498.890.176	7.498.890.176	5.160.856.547	5.160.856.547
- Phải trả các đối tượng khác	43.266.731.094	43.266.731.094	58.087.228.563	58.087.228.563
	92.202.203.410	92.202.203.410	81.522.399.140	81.522.399.140
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	742.829.979	742.829.979

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Nova Carriers (Singapore) Pte., Ltd	-	11.511.815
- Inlaco Japan Co., Ltd	1.156.147.200	-
- Dongwon Ind Co., Ltd	1.208.512.512	-
- Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng - Tổng cục Công nghiệp Quốc Phòng	1.312.740.000	-
- Công ty TNHH Seojin Việt Nam	2.058.524.000	-
- Các khoản phải trả khác	7.687.353.632	7.593.274.583
	13.423.277.344	7.604.786.398
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	8.821.711	99.379.945

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	749.799.384	11.355.849.525	11.051.998.863	19.744.566	1.073.394.612
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	751.331.677	5.297.919.202	5.238.911.687	-	810.339.192
- Thuế thu nhập cá nhân	273.265.897	196.982.939	1.428.522.139	1.487.700.098	223.707.766	88.246.849
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	419.093.100	3.528.412.536	2.843.653.416	-	1.103.852.220
- Các loại thuế khác	499.999.999	2.799.320.910	13.276.335.751	13.010.164.720	-	2.565.491.942
+ Thuế GTGT, TNDN của Nhà thầu nước ngoài	499.999.999	2.799.320.910	13.257.335.751	12.991.164.720	-	2.565.491.942
+ Các loại thuế khác	-	-	19.000.000	19.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	500.603.208	2.551.449	503.154.657	-	-
	773.265.896	5.417.131.218	34.889.590.602	34.135.583.441	243.452.332	5.641.324.815

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Trích trước giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.994.428.124	2.759.773.774
- Chi phí tư vấn, giám sát và thi công nhà 44 - 46 Nguyễn Tất Thành	305.094.715	344.029.441
- Trích trước chi phí tiền thuê kho	663.757.605	280.650.000
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	619.535.174	803.523.862
	5.582.815.618	4.187.977.077
b) Dài hạn		
- Chi phí phải trả dài hạn khác	500.000.000	500.000.000
	500.000.000	500.000.000

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phải nộp KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	1.216.990.200	1.265.992.903
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	479.503.335	1.253.903.335
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.447.246.704	7.326.885.729
- Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	75.521.583.228	46.559.270.796
- Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu	13.315.245.814	18.279.722.619
- Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	3.737.387.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	275.221.605	505.494.557
	97.993.178.326	78.928.657.379
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	849.326.084	891.726.084
	849.326.084	891.726.084

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	2.111.920.000	280.000.000
	2.111.920.000	280.000.000

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2019	140.964.860.000	103.029.036.365	14.246.587.566	88.255.039.674	346.495.523.605
Lãi trong năm trước	-	-	-	36.313.548.374	36.313.548.374
Trích lập các quỹ	-	10.317.926.380	1.547.688.957	(11.865.615.337)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.738.444.785)	(7.738.444.785)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(423.000.000)	(423.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	(28.192.972.000)	(28.192.972.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.554.273.798)	-	(1.554.273.798)
Số dư tại ngày 31/12/2019	140.964.860.000	113.346.962.745	14.240.002.725	76.348.555.926	344.900.381.396
Số dư tại ngày 01/01/2020	140.964.860.000	113.346.962.745	14.240.002.725	76.348.555.926	344.900.381.396
Lãi trong năm nay	-	-	-	36.956.167.659	36.956.167.659
Trích lập các quỹ (*)	-	10.894.064.512	726.270.967	(11.620.335.479)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(4.357.625.805)	(4.357.625.805)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	(144.000.000)	(144.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(149.318.300)	-	(149.318.300)
Số dư tại ngày 31/12/2020	140.964.860.000	124.241.027.257	14.816.955.392	97.182.762.301	377.205.604.950

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2019	100,00	36.313.548.374
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00	10.894.064.512
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	12,00	4.357.625.805
Trích quỹ thưởng ban điều hành	0,40	144.000.000
Trích quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh	2,00	726.270.967
Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2019 chưa phân phối	55,60	20.191.587.090

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	51,05	71.968.380.000	51,05	71.968.380.000
- Các cổ đông khác	48,95	68.996.480.000	48,95	68.996.480.000
	100	140.964.860.000	100	140.964.860.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	140.964.860.000	140.964.860.000
- Vốn góp cuối năm	140.964.860.000	140.964.860.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.253.903.335	503.258.335
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	28.192.972.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	28.192.972.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(774.400.000)	(27.442.327.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(774.400.000)	(27.442.327.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	479.503.335	1.253.903.335

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.096.486	14.096.486
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.096.486	14.096.486
- Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.096.486	14.096.486
- Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/ cổ phần.

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	124.241.027.257	113.346.962.745
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	14.816.955.392	14.240.002.725
	139.057.982.649	127.586.965.470

(*) Chi tiết bao gồm:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ	11.650.000.000	11.650.000.000
Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh	3.166.955.392	2.590.002.725
	14.816.955.392	14.240.002.725

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt chi nhánh để sử dụng với mục đích làm kho bãi cung cấp dịch vụ thời hạn từ 02 đến 50 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường Phú Thuận, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh, vị trí khu đất được xác định theo bản đồ số 10547-1/GD-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở địa chính - Nhà đất duyệt ngày 02/12/1999 để sử dụng với mục đích đầu tư xây dựng kho bãi và sửa chữa container từ năm 2000 đến năm 2050. Diện tích khu đất thuê là 10.000 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
Đô la Mỹ (USD)	3.014.937,76	2.573.438,56

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Daiichia Chuo Marine Co., Ltd	5.575.895.635	5.575.895.635
	5.575.895.635	5.575.895.635

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu đại lý tàu	86.343.732.137	102.400.542.834
Doanh thu đại lý vận tải	715.996.934.341	565.213.720.582
Doanh thu kinh doanh kho bãi	120.097.071.753	110.489.967.829
Doanh thu kiểm kiện	25.242.283.147	26.810.331.787
Doanh thu đại lý Liner	11.154.391.985	22.387.130.550
Doanh thu dịch vụ khác	54.311.991.245	51.031.706.328
	1.013.146.404.608	878.333.399.910
	590.768.203	705.369.175

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn đại lý tàu	60.450.024.990	75.772.622.888
Giá vốn đại lý vận tải	693.165.169.634	540.938.532.259
Giá vốn kinh doanh kho bãi	112.147.513.316	103.221.250.225
Giá vốn kiểm kiện	15.946.720.006	15.563.079.233
Giá vốn đại lý Liner	6.899.394.153	11.092.382.642
Giá vốn dịch vụ khác	48.587.181.928	42.409.153.631
	937.196.004.027	788.997.020.878

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.165.107.070	6.581.257.413
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.650.538.698	16.658.446.935
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.617.713.477	2.195.021.793
	23.433.359.245	25.434.726.141
	16.650.538.698	16.658.446.935

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.011.825	38.245.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.369.270.282	1.522.625.352
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	42.908.300	129.970.085
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	605.991.999	2.233.358.350
Chi phí tài chính khác	168.600	196.018
	2.035.351.006	3.924.395.037

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	2.766.484.221	3.530.947.550
Chi phí nhân công	37.556.442.635	46.352.123.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.369.840.154	3.176.874.283
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	(5.123.339.429)	(7.852.912.504)
Thuế, phí, lệ phí	3.195.834.321	5.533.519.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.721.734.438	15.599.921.645
Chi phí khác bằng tiền	2.874.692.895	2.934.981.898
	55.361.689.235	69.275.455.038

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.355.896.953
Thu nhập khác	508.004.395	128.971.379
	508.004.395	1.484.868.332

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	232.088.874	811.848.857
Chi phí khác	8.548.245	49.334.392
	240.637.119	861.183.249

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	42.254.086.861	42.194.940.181
Các khoản điều chỉnh tăng	1.129.483.539	2.040.977.638
- Chi phí không hợp lệ	66.641.721	369.167.105
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	94.818.530	193.584.598
- Hoàn nhập lãi CLTG chưa thực hiện năm trước	59.860.444	304.167.901
- Tiền phạt vi phạm hành chính	220.962.844	818.858.034
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành	687.200.000	355.200.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(243.435.693)	(382.912.447)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(49.851.095)	(59.860.444)
- Hoàn nhập lỗ CLTG chưa thực hiện năm trước	(193.584.598)	(323.052.003)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	43.140.134.707	43.853.005.372
Thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	16.650.538.698	16.658.446.935
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.650.538.698	16.658.446.935
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	26.489.596.009	27.194.558.437
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	5.297.919.202	5.438.911.687
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	442.480.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	751.331.677	1.748.904.789
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.238.911.687)	(6.878.964.919)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	810.339.192	751.331.677

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.956.167.659	36.313.548.374
Các khoản điều chỉnh	-	(4.501.625.805)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(4.501.625.805)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.956.167.659	31.811.922.569
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.096.486	14.096.486
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.622	2.257

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020 đã thông qua phương án trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, cụ thể như sau:

	Năm 2019	
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.313.548.374	36.313.548.374
Các khoản điều chỉnh	(4.720.761.289)	(4.501.625.805)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	(4.720.761.289)	(4.501.625.805)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.592.787.085	31.811.922.569
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.096.486	14.096.486
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.241	2.257

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	7.532.810.061	10.367.286.630
Chi phí nhân công	101.534.466.573	112.041.590.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.503.235.616	12.672.432.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	826.278.085.039	697.650.039.596
Chi phí khác bằng tiền	51.331.819.105	33.394.038.879
Tổng cộng	999.180.416.394	866.125.388.420

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	209.776.632.670	-	179.783.658.944	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	188.240.342.045	(264.530.990)	157.596.947.179	(387.870.419)
Các khoản cho vay	23.220.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	9.920.160.000	(720.900.000)	2.520.000.000	(975.000.000)
Tổng cộng	431.157.134.715	(985.430.990)	340.900.606.123	(1.362.870.419)

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	195.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	191.044.707.820	161.342.782.603
Chi phí phải trả	6.082.815.618	4.687.977.077
	197.127.523.438	166.225.759.680

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Đầu tư dài hạn	-	-	9.199.260.000	9.199.260.000
	-	-	9.199.260.000	9.199.260.000
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.545.000.000	1.545.000.000
	-	-	1.545.000.000	1.545.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	209.776.632.670	-	-	209.776.632.670
Phải thu khách hàng, phải thu khác	179.015.865.567	8.959.945.488	-	187.975.811.055
Các khoản cho vay	23.220.000.000	-	-	23.220.000.000
	412.012.498.237	8.959.945.488	-	420.972.443.725
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.783.658.944	-	-	179.783.658.944
Phải thu khách hàng, phải thu khác	147.945.442.108	9.263.634.652	-	157.209.076.760
Các khoản cho vay	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
	328.729.101.052	9.263.634.652	-	337.992.735.704

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	190.195.381.736	849.326.084	-	191.044.707.820
Chi phí phải trả	5.582.815.618	-	500.000.000	6.082.815.618
	195.778.197.354	849.326.084	500.000.000	197.127.523.438
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	60.000.000	135.000.000	-	195.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	160.451.056.519	891.726.084	-	161.342.782.603
Chi phí phải trả	4.187.977.077	-	500.000.000	4.687.977.077
	164.699.033.596	1.026.726.084	500.000.000	166.225.759.680

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	195.000.000	404.000.000
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường		

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài thông tin nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco (Voscal)	Công ty con của Vosco
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao (Transvina)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	Cùng Công ty mẹ
Công ty Vận tải Biển VIMC	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Công ty nhận vốn đầu tư
Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd	Bên liên doanh
Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	Công ty nhận vốn đầu tư
Công ty liên doanh Bông Sen	Công ty nhận vốn đầu tư



Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:
 Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	590.768.203	705.369.175
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	-	108.000.000
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)	-	27.550.000
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	39.335.273	88.083.500
- Công ty Cổ phần Cảng Hải phòng (Hai Phong Port)	3.765.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	430.066.339	-
- Công ty Vận tải Biển VIMC	52.363.637	15.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	32.727.272	173.736.362
- Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco (Voscal)	27.288.182	12.627.273
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao (Transvina)	4.972.500	5.915.000
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	250.000	68.685.473
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	-	66.770.050
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	-	139.001.517
Chia trả Cổ tức	-	14.393.676.000
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	14.393.676.000
Góp vốn	-	2.790.600.000
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	-	2.790.600.000
Cổ tức được chia	16.650.538.698	16.658.446.935
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	-	35.000.000
- Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd	15.674.093.060	15.674.393.059
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	938.800.000	926.400.000
- Công ty liên doanh Bông Sen	37.645.638	22.653.876



Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	129.552.183	198.010.683
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
- Công ty Cổ phần Cảng Hải phòng (Hai Phong Port)	4.141.500	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	-	72.600.000
Phải trả cho người bán ngắn hạn	-	742.829.979
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	-	611.441.244
- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	-	131.388.735
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.821.711	99.379.945
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	8.821.711	33.311.704
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	-	66.068.241

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	680.500.280	1.176.775.392
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.433.420.700	3.661.993.329

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Lương Huy

Phó Trưởng ban TCKT phụ trách



Võ Trung Thắng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021
 Tổng Giám đốc



Trịnh Vũ Khoa